

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2018/DS-PT  
Ngày 19-10-2018  
V/v tranh chấp quyền sử  
dụng đất, đòi bồi thường thiệt  
hại, hủy giấy chứng nhận quyền  
sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng  
cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tấn Quốc

*Các Thẩm phán:*

Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Huỳnh Tuấn Khải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi bồi thường thiệt hại, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:**

1. Ông Đỗ Thành V, sinh năm 1960.

2. Bà Phan Thị D, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phan Thị Hồng C, sinh năm 1986.

2. Anh Phạm Việt H, sinh năm 1985.
3. Cháu Phạm Lan C, sinh năm 2009.
4. Cháu Phạm Hồng A, sinh năm 2015.

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Chi, cháu Ánh:* Chị Phan Thị Hồng C, sinh năm 1986 và anh Phạm Việt H, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

5. Bà Phan Thị B, sinh năm 1933. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950.

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

8. UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

9. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số 213 Quốc lộ 1A, Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu Q, nguyên đơn.

(Các đương sự triệu tập có mặt; bà B, bà M, bà L, UBND xã T, UBND huyện B có đơn xin xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án yêu cầu giải quyết như sau:*

Nguồn gốc thửa đất 518, tờ bản đồ số 02, diện tích 581 m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế là 418,7 m<sup>2</sup>), loại đất LUA, tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An do ông đứng tên giấy chứng nhận QSD đất số AO 172772, được UBND huyện B cấp ngày 02/02/2009 là của bà ngoại ông tên là Trần Thị Đ (có đứng tên giấy chứng nhận QSD đất bìa trắng) tặng cho mẹ ông là Phan Thị B năm 1996. Bà B có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B089916 ngày 5/3/1996. Đến năm 2008 bà B làm hợp đồng tặng cho có chứng thực của UBND xã T phần đất nói trên cho ông.

Trước khi bà B tặng cho ông, thì phần đất này do vợ chồng ông Đỗ Thành V, bà Phan Thị D quản lý sử dụng, có dựng căn nhà bằng tôn, trồng một số cây mít chuối, dừa. Vợ chồng ông V, bà D quản lý sử dụng thửa 518 từ khoảng từ năm 1997.

Thửa 2090, tờ bản đồ số 2, xã T, trước đây cũng nằm trong diện tích thửa 518, loại đất lúa. Đến năm 2007, ông V, bà D mới đổ đất nền và chuyển mục đích sử dụng đất lúa thành thổ và thành thửa mới 2090 diện tích 105m<sup>2</sup>.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông V, bà D trả lại cho ông diện tích đất 418,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 518 loại đất LUC, và 99,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 2090 (qua đo đạc thực tế) loại đất ONT tờ bản đồ số 02, tại xã T huyện B, tỉnh Long An và di dời tất cả những tài sản trên đất giao đất lại cho ông .

2. Buộc ông V, bà D phải bồi thường số tiền 24.000.000 đồng tiền lợi tức từ việc canh tác trên thửa đất số 518 mà ông bị ông V, bà D lấn chiếm đất.

3. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số 327660 do UBND huyện B đã cấp cho bà Phan Thị D, ngày 3-7-1997 tại thửa 518 và 2090, tờ bản đồ số 2, tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

*Bị đơn bà Phan Thị D trình bày:*

Bà và ông Đỗ Thành V chung sống với nhau từ năm 1981.

Nguồn gốc đất thuộc thửa số 518, tờ bản đồ số 2 diện tích 476m<sup>2</sup>, và thửa 2090 diện tích 105m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An do bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 327660 do UBND huyện B cấp ngày 03-7-1997 là do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Đ vào năm 1996. Vợ chồng, bà nhận chuyển nhượng của bà Đ thửa đất số 107 tờ bản đồ số 3 xã T diện tích 700m<sup>2</sup> nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thành thửa 518 diện tích 476 m<sup>2</sup> loại đất lúa và thửa 2090 diện tích 105m<sup>2</sup> loại đất thổ từ bản đồ số 2 xã T.

Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 1997 vợ chồng bà đã cất nhà, trồng cây trên đất, rào lưới B40 xung quanh đất. Đến năm 2001 thì xây dựng nhà cấp 4. Quá trình sử dụng đất ổn định, không có ai tranh chấp. Trên diện tích đất đang tranh chấp có bà, ông Đỗ Thành V, con gái là Phan Thị Hồng C, con rể là Phạm Việt H và hai cháu là Phạm Lan C, Phạm Hồng A đang ở.

Nay trước yêu cầu của ông Q, bà không đồng ý. Lý do: quyền sử dụng đất thửa đất số 518, 2090 là của vợ chồng bà, không phải của bà B. Việc bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật. Vì phát đất này là của bà Trần Thị Đ.

Và bà D có yêu cầu phản tố:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đất tại thửa 518, tờ bản đồ số 2, xã T từ bà Phan Thị B sang ông Nguyễn Hữu Q được UBND xã T chứng thực ngày 29/12/2008 số 785, quyền số 01/TP/CC – SCT HĐ GD.

Hủy giấy chứng nhận QSD đất số B 089910 được UBND huyện B cấp cho bà Phan Thị B ngày 05/3/1996 tại thửa 518, tờ bản đồ số 2, tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 17277 được UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu Q ngày 02/02/2009 tại thửa 518, tờ bản đồ số 2, tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

*Bị đơn ông Đỗ Thành V trình bày:* Ông và bà Phan Thị D chung sống với nhau từ năm 1981. Ông thống nhất với lời trình bày của bà D và không bổ sung ý kiến gì thêm.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*Ủy ban nhân dân huyện B có công văn số 2135/UBND-VP ngày 22/11/2017 có ý kiến như sau:* Đề nghị Tòa án nhân dân huyện B căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của các đương sự. Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án .

*Chị Phan Thị Hồng C trình bày:* Chị là con của bà Phan Thị D, nguồn gốc thửa đất 518, tờ bản đồ số 2, có diện tích 476m<sup>2</sup>, tại xã T là của mẹ chị tên là Phan Thị D nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Đ vào năm 1996. Chị đã sống trên thửa đất 518 từ năm 1997 cho đến nay. Trước yêu cầu của ông Q, chị không đồng ý.

Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị B không đúng quy định pháp luật, theo đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B không có kê khai thửa 518, nhưng vẫn được cấp thửa 518. Nguồn gốc thửa đất này là của bà Trần Thị Đ. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà D .

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, Điều 271, 273 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 46, 49, 106 Luật Đất đai năm 2003; Điều 193, Điều 688, Điều 689 Bộ Luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 31, khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q về việc yêu cầu bà Phan Thị D và ông Đỗ Thành V hoàn trả diện tích đất khu A có diện tích đất 418,7m<sup>2</sup> loại đất LUC, tại thửa đất số 518, và khu B có diện tích 99,4m<sup>2</sup>, loại đất ONT, thửa đất số 2090 , toàn bộ đất tại tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, theo mảnh trích đo địa chính ngày 06/10/2015 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 28/10/2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q yêu cầu bà Phan Thị D, ông Đỗ Thành V bồi thường tiền thu lợi tức 24.000.000đ.

3. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Q về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L327660 do UBND huyện B cấp cho bà Phan Thị D ngày 3-7-1997 đối với phần đất có diện tích là 476m<sup>2</sup> loại đất Lúa, và thửa 2090, diện tích 105m<sup>2</sup> loại đất T tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị D, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B089916 do UBND huyện B cấp cho bà Phan Thị B ngày 5/3/1996, đối với phần đất có diện tích 581m<sup>2</sup> tại thửa 518, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị D, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị B và ông Nguyễn Hữu Q, ngày 29 tháng 12 năm 2008 được UBND xã T chứng thực ngày 29/12/2008 số 785, quyền số 01/TP/CC- SCT HGD.

6. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị D, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0172772 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu Q, ngày 2-02-2009 đối với thửa 518, diện tích 581m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 17/7/2018, ông Nguyễn Hữu Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thống nhất với các ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Nguồn gốc thửa đất 518, 2090 tá ch ra từ thửa 107 là của bà Đ nhưng bà Đ đã chuyển nhượng cho bà D (có hồ sơ chuyển nhượng), bà D đã được cấp quyền sử dụng đất. Ông Q cho rằng bà Đ cho bà B thửa đất 107 nhưng không có gì chứng minh nên việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng thửa đất 518 cho bà B là không đúng pháp luật. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu phản tố là phù hợp. Ông Q kháng cáo là không có căn cứ, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Ông Q và bà D thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất 107 là của bà Đ. Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào ngày 09/02/1996 bà Đ chuyển nhượng thửa đất 107 cho bà D và ngày 03/7/1997 bà D được cấp quyền sử dụng thành 2 thửa đất gồm thửa 518 diện tích 476m<sup>2</sup>, thửa 2090 diện tích 105m<sup>2</sup> từ thửa 107. Sau khi chuyển nhượng gia đình bà D đã ở và sử dụng phần đất này từ năm 1997 cho đến nay. Vào năm 2008 ông Q được bà B tặng cho thửa đất 518 diện tích 581m<sup>2</sup>, ông Q được cấp quyền sử dụng vào ngày 02/02/2009 và trước đó bà B được cấp quyền sử dụng thửa đất này vào ngày 05/3/1996.

[2] Thấy rằng, bà B được cấp quyền sử dụng thửa 518 diện tích 581m<sup>2</sup> vào năm 1996 trước khi cấp quyền sử dụng cho bà D thửa 518 diện tích 476m<sup>2</sup>, thửa 2090 diện tích 105m<sup>2</sup> vào năm 1997. Tuy nhiên, ông Q cho rằng bà B được bà Đ cho thửa đất 107 nhưng ông Q không chứng minh được và bà B cũng không sử dụng phần đất này nên Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng cho bà B là không có căn cứ. Trong khi bà D được cấp quyền sử dụng trên cơ sở nhận chuyển nhượng hợp pháp từ bà Đ (có hồ sơ chuyển nhượng) và sử dụng từ đó đến nay nên việc cấp quyền sử dụng đất cho bà D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm nêu ra những nhận định để xử bác yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu phản tố là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên kháng cáo của ông Q là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Q.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 127, Điều 128, Điều 129, Điều 688, Điều 689, Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 221, 224 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án; Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q về việc yêu cầu bà Phan Thị D và ông Đỗ Thành V hoàn trả diện tích đất 418,7m<sup>2</sup> (khu A), thửa đất số 518, loại đất LUC và diện tích đất 99,4m<sup>2</sup> (khu B), thửa đất số 2090, loại đất ONT. Toàn bộ đất tại tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. (kèm theo Mảnh trích đo địa chính ngày 06/10/2015 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 28/10/2015).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q về việc yêu cầu bà Phan Thị D, ông Đỗ Thành V bồi thường lợi tức với số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

3. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Q về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L327660 do UBND huyện B cấp cho bà Phan Thị D ngày 3-7-1997 đối với phần đất có diện tích là 476m<sup>2</sup> loại đất Lúa, và thửa 2090, diện tích 105m<sup>2</sup> loại đất T, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị D.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B089916 do UBND huyện B cấp cho bà Phan Thị B ngày 5/3/1996 đối với thửa 518, diện tích đất 581m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị B và ông Nguyễn Hữu Q ngày 29 tháng 12 năm 2008 được UBND xã T chứng thực ngày 29/12/2008 số 785, quyền số 01/TP/CC- SCT HĐGD.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0172772 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu Q ngày 02-02-2009 đối với thửa 518, diện tích 581m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu tiền chi phí tố tụng là 7.600.000đ, ông Q đã nộp đủ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 17.114.145đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Q nộp 1.350.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 02347 ngày 10/6/2015 và 600.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05817 và 2.950.500đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05818, cùng ngày 28/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; ông Q còn phải nộp tiếp 12.213.645đ (Mười hai triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn cho bà Phan Thị D 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 05891 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An.

7. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Q nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006792 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; ông Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tấn Quốc**